

**DANH SÁCH DỰ KIẾN ĐƯỢC MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
ĐỐI TƯỢNG BÁC SĨ NỘI TRÚ**

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
NỘI TRÚ. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				31			
1	1	Nguyễn Lưu Hoàng Anh	08/03/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
2	2	Lâm Minh Cường	25/04/2001	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
3	3	Phạm Nhật Dương	26/09/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
4	4	Cao La Phương Đông	14/10/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
5	5	Đinh Thị Thu Hiền	16/03/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
6	6	Võ Quốc Hiến	11/05/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
7	7	Huỳnh Tấn Hiếu	22/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
8	8	Phan Nguyễn Quốc Hùng	28/08/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
9	9	Bùi Lâm Quỳnh Hương	28/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
10	10	Nguyễn Minh Khôi	18/01/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
11	11	Bùi Thế Kiệt	28/06/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
12	12	Nguyễn Bảo Lam	21/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
13	13	Nguyễn Thị Hoàng Linh	12/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 3	
14	14	Đoàn Hồng Nam	09/10/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
15	15	Phan Hồng Ngọc	03/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
16	16	Nguyễn Gia Phú	04/09/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
17	17	Trần Thị Bích Phương	26/06/2002	Tỉnh Kon Tum	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
18	18	Nguyễn Thị Kim Phương	10/10/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
19	19	Lê Thị Hồng Phượng	21/10/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
20	20	Dương Hữu Tấn	13/12/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
21	21	Nguyễn Thanh Đạt Thành	21/02/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
22	22	Trần Thị Phương Thảo	07/03/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
23	23	Võ Hoàng Phương Thảo	07/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
24	24	Phạm Tấn Thịnh	08/10/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
25	25	Nguyễn Đức Thuận	04/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
26	26	Nguyễn Hữu Thuận	28/07/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.0	
27	27	Huỳnh Ngọc Anh Tiên	29/05/2002	Tỉnh Sóc Trăng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
28	28	Nguyễn Ngọc Đài Trang	22/08/1995	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
29	29	Nguyễn Thành Trung	20/10/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
30	30	Võ Sơn Tuyền	26/04/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
31	31	Nguyễn Hoàng Phi Yến	13/10/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
NỘI TRÚ.DA LIỄU				23			
32	1	Lê Hoàng Tú Anh	17/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
33	2	Tô Ngọc Mai Anh	02/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
34	3	Mai Tiểu Đào	05/05/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
35	4	Lê Thị Kim Giang	16/06/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
36	5	Lê Thị Hải Hà	22/08/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
37	6	Trương Gia Huy	06/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
38	7	Dương Chúc Huỳnh	10/02/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
39	8	H Xuân Linh Ksor	03/11/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
40	9	Nguyễn Thị Phương Linh	30/10/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
41	10	Mai Nguyễn Trúc Linh	27/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
42	11	Lê Lâm Lợi	10/02/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
43	12	Nguyễn Thị Luyến	12/09/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
44	13	Nguyễn Thị Hoài My	15/02/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
45	14	Nguyễn Hồng Cẩm Ngọc	20/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
46	15	Diệp Xuân Nhi	11/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 3	
47	16	Phạm Quỳnh Như	04/11/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
48	17	Đỗ Minh Quân	09/09/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
49	18	Nguyễn Bích Tâm	20/07/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
50	19	Trương Thị Thu Thảo	30/04/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
51	20	Võ Ngọc Anh Thư	06/04/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
52	21	Trần Huyền Trân	30/09/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
53	22	Trịnh Thuỳ Ánh Tuyết	17/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
54	23	Khuru Thanh Vy	09/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ.NGOẠI TỔNG QUÁT				42			
55	1	Đặng Tuấn Anh	14/09/2001	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
56	2	Võ Thế Bảo	04/07/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
57	3	Nguyễn Xuân Bách	02/10/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
58	4	Nguyễn Thành Đạt	26/02/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
59	5	Trần Ngọc Minh Đạt	30/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
60	6	Trần Thu Hà	15/09/2002	Tỉnh Hải Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 3	
61	7	Nguyễn Trang Bảo Hân	11/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
62	8	Nguyễn Duy Lý Đức Hiếu	09/06/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
63	9	Thái Nguyên Hoàng	19/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
64	10	Vũ Nguyễn Quý Hòa	19/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
65	11	Nguyễn Đoàn Quốc Hội	01/03/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
66	12	Nguyễn Ảnh Huy	15/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
67	13	Mai Quang Huy	16/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
68	14	Nguyễn Thị Thu Hương	04/04/2001	Tỉnh Quảng Trị	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
69	15	Nguyễn Thị Huỳnh Hương	28/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
70	16	Phạm Bá Khang	25/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
71	17	Nguyễn Lại Văn Khoa	07/12/2002	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
72	18	Lê Minh Khoa	21/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
73	19	Nguyễn Anh Khoa	10/03/2001	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
74	20	Trần Viết Duy Khoa	06/09/1997	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
75	21	Bùi Tuấn Kiệt	06/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
76	22	Huỳnh Văn Lâu	24/07/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
77	23	Nguyễn Tấn Lực	01/10/2001	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
78	24	Tạ Gia Minh	20/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
79	25	Trương Hoàng Minh	24/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
80	26	Võ Hồ Nam	11/03/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
81	27	Võ Phúc Trọng Nhân	13/11/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
82	28	Nguyễn Thị Quỳnh Như	16/03/2001	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
83	29	Bùi Nhật Phi	29/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
84	30	Trần Nguyễn Quốc Phong	07/01/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
85	31	Bùi Thành Phong	16/06/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
86	32	Phan Văn Thiên Phúc	28/05/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
87	33	Đinh Trương Tấn Phúc	20/08/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
88	34	Phan Lê Thanh Thiên	01/06/2002	Thành phố Đà Nẵng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
89	35	Đinh Công Minh Tiến	01/01/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
90	36	Lê Trung Tín	08/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
91	37	Nguyễn Văn Tồn	07/09/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
92	38	Trần Minh Triết	15/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
93	39	Trần Thái Trung	20/11/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
94	40	Bùi Quang Tuấn	18/12/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
95	41	Nguyễn Phát Tường	28/06/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
96	42	Ngô Thành Vinh	08/03/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
NỘI TRÚ.NHÂN KHOA				52			
97	1	Trần Hoài An	19/08/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
98	2	Lê Bùi Hải An	17/11/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
99	3	Đào Nguyễn Thúy An	12/05/2002	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
100	4	Phạm Tuấn Anh	29/08/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
101	5	Trần Kiến Bách	01/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
102	6	Nguyễn Bảo Châu	24/04/2001	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
103	7	Lê Chương	25/07/2001	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
104	8	Phạm Đức Cường	02/11/1994	Tỉnh Ninh Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
105	9	Phan Huỳnh Phương Du	09/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
106	10	Nguyễn Hải Dương	03/02/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
107	11	Trần Chí Hương Giang	24/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.0	
108	12	Phạm Nhật Hào	22/01/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
109	13	Viên Đình Nhật Hoàng	26/04/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
110	14	Võ Minh Huy	22/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
111	15	Huỳnh Phúc Huy	20/12/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
112	16	Lê Thanh Huy	03/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
113	17	Trần Thanh Huyền	06/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
114	18	Ngô Điền Kha	22/08/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
115	19	Dương Nhã Khanh	27/08/2002	Tỉnh Trà Vinh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
116	20	Nguyễn Chí Khoa	26/11/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
117	21	Cao Đăng Khoa	04/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
118	22	Nguyễn Đoàn Đăng Khoa	05/07/2001	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
119	23	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	08/11/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
120	24	Thái Hoàng Lộc	10/07/2001	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
121	25	Phạm Hoàng Lộc	25/09/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
122	26	Nguyễn Phương Ly	05/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
123	27	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	30/04/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
124	28	Dương Huỳnh My	24/12/2001	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
125	29	Trương Cao Nguyên	06/05/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
126	30	Nguyễn Cao Nhân	03/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
127	31	Châu Văn Hiền Nhân	17/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
128	32	Cát Huy Nhật	21/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
129	33	Trần Hồng Quỳnh Như	06/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
130	34	Trần Hoàng Phúc	03/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
131	35	Lê Trần Tuấn Phương	12/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
132	36	Nguyễn Anh Phương	30/12/2002	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
133	37	Nguyễn Hồng Ngọc Quế	28/06/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
134	38	Kha Thia Ry	22/04/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
135	39	Siu Nay Spring	12/09/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
136	40	Lương Tất Thắng	09/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
137	41	Phan Vũ Tâm Thư	09/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
138	42	Võ Anh Thư	28/10/2001	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
139	43	Bùi Trần Thiên Thư	03/09/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
140	44	Nguyễn Phương Thuý Tiên	25/09/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
141	45	Lữ Bảo Toàn	22/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
142	46	Trần Cao Trí	12/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
143	47	Nguyễn Thanh Trúc	09/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
144	48	Nguyễn Minh Tuấn	10/11/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
145	49	Nguyễn Thanh Thảo Uyên	08/02/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
146	50	Lâm Minh Vĩ	12/04/2001	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
147	51	Trương Nhật Vy	23/10/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
148	52	Đặng Như Ý	31/07/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 4	
NỘI TRÚ.NHI KHOA				64			
149	1	Nguyễn Ngọc Lan Anh	06/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
150	2	Lê Thị Quỳnh Anh	22/06/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
151	3	Đoàn Ngọc Anh	26/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
152	4	Vũ Thị Ngọc Anh	31/07/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
153	5	Lê Nguyễn Phương Anh	06/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
154	6	Hà Qua Kiều Anh	08/08/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
155	7	Lê Lương Quốc Bảo	05/02/2002	Tỉnh Vĩnh Long	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
156	8	Lê Huy Bảo	26/08/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
157	9	Nguyễn Đoàn Minh Châu	02/11/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
158	10	Vũ Hoàng Lê Duy	29/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
159	11	Lại Minh Duy	12/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
160	12	Nguyễn Trần Việt Dũng	09/11/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
161	13	Nguyễn Duy Hà	13/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
162	14	Đặng Mai Hân	14/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
163	15	Hàng Gia Hân	05/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
164	16	Trần Đình Huy	22/06/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
165	17	Trần Ngọc Ánh Huyền	29/10/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
166	18	Nguyễn Thị Thu Hương	28/09/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
167	19	Ngô Hà Ngọc Quỳnh Hương	19/09/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
168	20	Biện Thị Thu Hường	10/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
169	21	Nguyễn Gia Hy	12/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
170	22	Dương Tiến Khang	06/04/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
171	23	Đỗ Quốc Khánh	09/02/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
172	24	Phạm Đăng Khoa	13/05/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
173	25	Nguyễn Tuấn Khôi	07/12/2002	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
174	26	Nguyễn Lê Tuấn Kiệt	18/05/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
175	27	Lai Gia Kỳ	13/03/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
176	28	Nguyễn Thị Tuyết Lam	01/09/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
177	29	Luân Ngọc Lâm	04/03/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
178	30	Lê Đức Mạnh	19/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
179	31	Nguyễn Hà Phương Ngân	01/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
180	32	Phạm Ngọc Kim Ngân	02/02/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
181	33	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/07/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
182	34	Thiều Vĩnh Nghi	06/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
183	35	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	24/10/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
184	36	Lê Nguyễn Mỹ Ngọc	18/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
185	37	Lê Anh Nguyên	19/04/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
186	38	Lê Phạm Hoàn Nguyên	02/09/2001	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
187	39	Nguyễn Thị Thanh Nhã	16/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
188	40	Trần Hoàng Nhân	28/12/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
189	41	Nguyễn Thị Yến Nhi	08/03/2002	Tỉnh Thừa Thiên Huế	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
190	42	Trần Linh Nhi	28/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 5.5	
191	43	Đinh Phương Nhi	16/09/2002	Tỉnh Hà Tây	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
192	44	Huỳnh Minh Như	08/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
193	45	Đào Thị Ngọc Phú	06/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
194	46	Lý Thanh Phương	02/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương Bậc 3	
195	47	Nguyễn Thị Như Quỳnh	04/09/2002	Tỉnh Bạc Liêu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
196	48	Dương Chí Quỳnh	28/04/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
197	49	Nguyễn Thị Thu Thảo	18/10/2001	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
198	50	Huỳnh Thị Anh Thi	26/04/2002	Tỉnh Kon Tum	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
199	51	Nguyễn Phương Thi	29/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
200	52	Trần Thị Anh Thư	23/06/2000	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
201	53	Nguyễn Trường Toàn	04/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
202	54	Lê Ngọc Trang	13/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
203	55	Trần Ngọc Trâm	07/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
204	56	Phan Bảo Trân	25/05/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
205	57	Nguyễn Diệp Yên Trinh	22/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
206	58	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	22/05/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
207	59	Phạm Đình Cát Tường	05/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
208	60	Lại Thị Minh Tường	12/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
209	61	Bùi Thị Tổ Uyên	02/06/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
210	62	Nguyễn Vũ Bảo Vy	05/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
211	63	Nguyễn Ngọc Uyên Vy	23/10/2002	Tỉnh Ninh Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
212	64	Thân Trọng Ý	19/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
NỘI TRÚ. NỘI TỔNG QUÁT				100			
213	1	Huỳnh An	20/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
214	2	Hồ Quốc An	27/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
215	3	Đặng Ngọc Minh Anh	18/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
216	4	Vũ Trọng Anh	31/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
217	5	Bùi Tuấn Anh	26/09/2002	Tỉnh Hưng Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
218	6	Tô Đức Anh	02/10/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
219	7	Lê Thái Bảo	01/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
220	8	Ngô Tổ Cần	23/09/2002	Thành phố Đà Nẵng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
221	9	Đặng Minh Châu	17/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
222	10	Đoàn Công Duy	16/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
223	11	Lữ Bảo Duy	21/10/2002	Tỉnh Trà Vinh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
224	12	Phạm Trần Khánh Duy	12/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
225	13	Nguyễn Thanh Đạt	03/11/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
226	14	Lê Đoàn Đoan Giao	14/01/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
227	15	Đàng Thị Giáng	29/10/2001	Tỉnh Ninh Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
228	16	Huỳnh Nhựt Hào	04/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
229	17	Nguyễn Đức Hải	31/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
230	18	Nguyễn Đình Vũ Hải	10/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
231	19	Phan Thị Hồng Hạnh	06/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
232	20	Huỳnh Huệ Hạnh	15/10/2001	Tỉnh Sóc Trăng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 5.5	
233	21	Lương Thị Ngọc Hân	06/08/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
234	22	Vũ Đình Đức Hiếu	14/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
235	23	Trương Minh Hiếu	16/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 8.0	
236	24	Lê Văn Hiếu	23/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
237	25	Vũ Thị Như Hoa	11/05/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
238	26	Nguyễn Đăng Minh Hoàng	09/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
239	27	Nguyễn Lý Minh Huy	27/03/2002	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
240	28	Huỳnh Đăng Huy	28/09/2002	Thành phố Cần Thơ	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
241	29	Trần Thị Minh Huyền	01/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
242	30	Nguyễn Duy Khang	03/07/2001	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
243	31	Phạm Gia Khánh	07/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
244	32	Thái Doãn Khoa	16/07/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
245	33	Nguyễn Thành Khôi	13/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
246	34	Trần Ngô Gia Khương	20/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
247	35	Nguyễn Thị Hiếu Kiên	08/11/2001	Tỉnh Thừa Thiên Huế	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
248	36	Nguyễn Đình Thuận Kiều	06/12/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
249	37	Đặng Phước Thành Lâm	31/07/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
250	38	Nông Lê Ngọc Linh	12/05/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
251	39	Nguyễn Thị Thủy Linh	12/01/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
252	40	Nguyễn Xuân Thanh Lịch	24/07/2002	Tỉnh Thừa Thiên Huế	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
253	41	Lê Nguyễn Hoàng Mai	08/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
254	42	Biện Thị Kiều Mi	15/06/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
255	43	Nguyễn Phương Minh	04/09/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
256	44	Thái Hoàng Diễm My	29/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
257	45	Võ Hoàng Nam	18/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
258	46	Bùi Hữu Nghĩa	06/05/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
259	47	Đỗ Tiến Nghĩa	17/08/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	JLPT N4	
260	48	Trần Thị Hiếu Ngoan	10/01/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
261	49	Nguyễn Thị Trang Nhung	18/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
262	50	Nguyễn Trần Tấn Phát	04/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
263	51	Trần Thị Diễm Phúc	28/01/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
264	52	Nghiêm Xuân Phương	29/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
265	53	Nguyễn Giang Hoàng Quân	02/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
266	54	Phạm Minh Quân	09/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
267	55	Phạm Lê Ngọc Quyên	24/11/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
268	56	Phạm Ngọc Sang	15/07/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
269	57	Trần Hải Sơn	04/12/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
270	58	Nguyễn Thế Ngọc Sơn	20/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
271	59	Huỳnh Tấn Sỹ	17/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
272	60	Nghiêm Đức Tài	08/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
273	61	Tạ Phương Tài	30/04/2001	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 5.5	
274	62	Lê Minh Đức Tài	15/11/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
275	63	Phạm Hữu Tâm	27/01/1999	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
276	64	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	13/05/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
277	65	Cao Quốc Tân	28/10/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Aptics ESOL B2	
278	66	Huỳnh Yến Thanh	25/04/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
279	67	Nguyễn Phan Xuân Thanh	11/10/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
280	68	Phan Lương Thành	11/09/2001	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
281	69	Đỗ Nhật Thành	17/09/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
282	70	Nguyễn Hồ Phương Thảo	06/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
283	71	Phạm Thị Thảo	07/09/2002	Tỉnh Vĩnh Phúc	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
284	72	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/06/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
285	73	Lê Thị Hồng Thắm	14/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
286	74	Chu Quang Thắng	12/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
287	75	Nguyễn Lê Phú Thịnh	19/03/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
288	76	Trịnh Quốc Thịnh	12/05/2001	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
289	77	Trần Khánh Thoại	17/07/2001	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
290	78	Nguyễn Thị Bích Thủy	27/08/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
291	79	Thái Anh Thư	19/02/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	APTIS ESOL B2	
292	80	Huỳnh Anh Thư	05/11/2002	Tỉnh Sóc Trăng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
293	81	Đông Thị Bảo Thy	06/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
294	82	Trần Thị Thủy Tiên	31/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
295	83	Huỳnh Ngọc Toàn	12/11/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
296	84	Nguyễn Dương Thủy Trang	22/02/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
297	85	Nguyễn Kiều Đoan Trang	30/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
298	86	Lê Thị Trang	17/11/2002	Tỉnh Thanh Hóa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
299	87	Lê Hoàng Bảo Trâm	23/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
300	88	Nguyễn Ngọc Phương Trân	31/03/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP bậc 3	
301	89	Trương Hoàng Bảo Trân	23/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
302	90	Phạm Huỳnh Minh Triết	20/11/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
303	91	Nguyễn Ngọc Phương Trúc	01/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
304	92	Ngô Anh Tuấn	13/10/2001	Thành phố Đà Nẵng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 3	
305	93	Nguyễn Thảo Uyên	25/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
306	94	Đỗ Ngọc Thoại Vi	06/01/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 5	
307	95	Nguyễn Khánh Vi	25/04/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
308	96	Phạm Hữu Vinh	15/10/2000	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
309	97	Nguyễn Việt Vương	06/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
310	98	Phan Huỳnh Ái Vy	03/07/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
311	99	Nguyễn Bảo Vy	19/10/2001	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
312	100	Nguyễn Ngọc Như Ý	17/11/2001	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Aptis ESOL B2	
NỘI TRÚ.SẢN PHỤ KHOA				68			
313	1	Nguyễn Ngọc Vân An	04/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
314	2	Trương Bảo An	05/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
315	3	Nguyễn Thị Kim Anh	18/12/2002	Tỉnh Ninh Bình	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	HSK Bậc 3	
316	4	Đinh Lê Phương Anh	14/04/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
317	5	Nguyễn Thị Lan Anh	06/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
318	6	Vũ Thế Bảo	30/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
319	7	Nguyễn Phương Bình	26/01/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
320	8	Trịnh Thiên Bình	25/12/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
321	9	Lê Phạm Ngọc Bích	06/11/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
322	10	Lê Ngọc Bảo Châu	24/09/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
323	11	Trần Bửu Chí	03/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
324	12	Phạm Thị Thu Hà	10/07/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
325	13	Nguyễn Hà Cẩm Hằng	21/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.0	
326	14	Tạ Ngọc Hân	09/09/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
327	15	Phạm Ngọc Hân	10/11/2002	Tỉnh Vĩnh Long	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
328	16	Nguyễn Thị Xuân Hoa	28/08/2001	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
329	17	Nguyễn Thị Thanh Hoa	29/01/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
330	18	Vũ Thị Ngọc Huyền	09/04/2002	Tỉnh Ninh Bình	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
331	19	Lê Mỹ Huyền	23/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
332	20	Nguyễn Hoàng Huynh	20/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
333	21	Nguyễn Đạt Hùng	04/11/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
334	22	Lê Tường Hưng	26/04/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
335	23	Trịnh Kim Khánh	11/07/2001	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
336	24	Trần Nguyễn Đăng Khoa	28/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
337	25	Nguyễn Trần Thảo Lê	31/07/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
338	26	Lương Thị Nhật Lệ	19/10/2001	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
339	27	Trịnh Mỹ Linh	05/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
340	28	Phạm Thị Thùy Linh	19/10/2002	Tỉnh Hưng Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
341	29	Nguyễn Thị Phương Linh	24/08/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
342	30	Mai Thế Long	14/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
343	31	Trần Âu Nguyệt Minh	17/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.5	
344	32	Phạm Huỳnh Tuyết Nga	23/03/2002	Thành phố Đà Nẵng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
345	33	Hồ Thị Khánh Ngân	03/01/2001	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
346	34	Nguyễn Ánh Xuân Ngân	06/02/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
347	35	Lưu Lâm Kim Ngân	07/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
348	36	Thiêm Minh Ngoan	04/10/2002	Tỉnh Vĩnh Long	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
349	37	Phan Hoàng Hồng Ngọc	07/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
350	38	Trần Thị Kim Ngọc	16/11/2002	Tỉnh Tây Ninh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
351	39	Bùi Lê Yến Nhi	18/07/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
352	40	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	08/05/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
353	41	Nguyễn Đức Hoàng Phú	17/02/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
354	42	Phạm Thanh Phú	23/11/2002	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
355	43	Ngô Quốc Phú	25/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
356	44	Nguyễn Lâm Hoàng Phúc	10/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
357	45	Trần Quốc Minh Quân	10/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
358	46	Hoàng Anh Minh Quân	05/12/2001	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
359	47	Lê Phan Minh Quân	29/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 3	
360	48	Nguyễn Minh Quân	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
361	49	Lý Phước Thục Quyên	30/10/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
362	50	Lưu Chí Sang	19/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
363	51	Nguyễn Đào Nguyên Thanh	11/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
364	52	Lê Thu Thảo	10/08/2002	Tỉnh Bình Phước	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
365	53	Trần Xuân Thạnh	31/08/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
366	54	Nguyễn Thị Minh Thân	15/09/2002	Tỉnh Bình Thuận	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
367	55	Trần Thị Thu Thoa	25/04/2001	Tỉnh Hưng Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
368	56	Nguyễn Phùng Anh Thư	07/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
369	57	Lu Minh Thư	03/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
370	58	Trần Thị Minh Thư	06/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
371	59	Lê Thị Hoài Thương	23/02/2002	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	APTIS ESOL B1	
372	60	Võ Thị Thanh Tín	21/10/2002	Tỉnh Đắk Lắk	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
373	61	Trần Lê Thu Trang	28/07/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
374	62	Nguyễn Thị Thùy Trang	27/08/2002	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
375	63	Nguyễn Thái Bảo Trâm	15/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.0	
376	64	Nghiêm Phạm Hoàng Trâm	06/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
377	65	Đỗ Thị Mỹ Trinh	03/11/2002	Tỉnh Quảng Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
378	66	Đoàn Đức Trường	26/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
379	67	Nguyễn Phi Trường	12/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
380	68	Lê Ngọc Phương Vy	25/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
NỘI TRÚ.TAI – MŨI – HỌNG				24			
381	1	Phạm Quốc Bảo	06/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
382	2	Nguyễn Huỳnh Trang Châu	20/05/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
383	3	Vũ Hồng Duyên	02/05/2002	Tỉnh Bắc Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
384	4	Nguyễn Gia Huy	15/02/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
385	5	Nguyễn Quang Huy	08/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
386	6	Nguyễn Thị Hồng Ngát	13/11/2002	Tỉnh Hà Nam	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
387	7	Trần Lê Phương Ngân	05/08/2001	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
388	8	Trần Đoàn Hải Ngân	13/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
389	9	Đỗ Thị Tuyết Nhung	13/08/2001	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
390	10	Ngô Trần Phương Như	10/07/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
391	11	Trương Tấn Phát	29/05/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
392	12	Võ Kim Phát	26/02/2001	Tỉnh Kiên Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
393	13	Nguyễn Trần Minh Phú	27/03/2002	Tỉnh Cà Mau	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
394	14	Trần Ngọc Trúc Phương	17/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
395	15	Trần Như Quỳnh	08/08/2001	Tỉnh Hà Tĩnh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Aptis ESOL B1	
396	16	Nguyễn Võ Anh Thư	24/03/2002	Tỉnh Gia Lai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEFL iTP 453	
397	17	Huỳnh Thanh Tiến	09/02/2002	Tỉnh Kon Tum	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
398	18	Nguyễn Xuân Trang	12/11/2002	Tỉnh An Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
399	19	Ngô Ngọc Huyền Trân	13/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Aptis ESOL B2	
400	20	Nguyễn Hoàng Quang Trung	26/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
401	21	Nguyễn Huỳnh Minh Trường	14/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
402	22	Nguyễn Sơn Tùng	05/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
403	23	Đỗ Thị Như Viên	28/09/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
404	24	Chung Nguyễn Hoàng Vũ	29/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ.TRUYỀN NHIỄM				11			
405	1	Trần Ngọc Minh Anh	12/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
406	2	Mai Văn Chiến	01/11/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
407	3	Trang Hiền Khang	13/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
408	4	Lê Ngọc Khang	13/07/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
409	5	Võ Đăng Khoa	09/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
410	6	Nguyễn Khánh Nhân	21/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
411	7	Trần Thị Yến Nhi	09/03/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
412	8	Trần Ngọc Phương	19/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
413	9	Lê Hoàng Nhật Tân	23/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 7.5	
414	10	Trần Nguyễn Anh Thy	04/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
415	11	Hoàng Lê Anh Tuấn	24/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ.UNG BƯỞU				19			
416	1	Trần Nguyễn Tường Anh	16/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
417	2	Nguyễn Lê Công Anh	19/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
418	3	Phan Thanh Bình	10/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
419	4	Trần Văn Châu	17/04/2001	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
420	5	Hà Bảo Dinh	23/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Cambridge Assessment English B1 Preliminary	
421	6	Nguyễn Khang Huy	04/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	Bằng Cử Nhân Ngôn Ngữ Anh	
422	7	Đoàn Nguyễn Ngọc Huyền	12/01/2002	Tỉnh Tiền Giang	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	TOEIC 4 kỹ năng Tương đương bậc 3	
423	8	Phạm Đỗ Đăng Khoa	17/08/2002	Tỉnh Long An	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	IELTS 6.5	
424	9	Lê Hữu Lộc	28/12/2002	Tỉnh Bình Dương	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
425	10	Lương Thị Ngọc Minh	05/07/2002	Tỉnh Đồng Nai	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
426	11	Phan Kiều Nguyệt Ngân	14/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
427	12	Phạm Hoàng Phương Nhi	03/04/2002	Tỉnh Bến Tre	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP BẬC 3	
428	13	Dương Thị Quỳnh Như	14/03/2002	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
429	14	Hà Kim Toàn	27/10/2001	Tỉnh Phú Yên	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
430	15	Võ Khắc Trường	20/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
431	16	Nguyễn Long Anh Tuấn	18/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
432	17	Phùng Khắc Tường	28/10/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	

ST T	STT CN	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LÝ DO MIỄN THI	CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
433	18	Nguyễn Hoàng Kiều Vy	31/05/2002	Tỉnh Khánh Hòa	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
434	19	Đỗ Nguyễn Ngọc Xuân	09/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
NỘI TRÚ.Y HỌC GIA ĐÌNH				10			
435	1	Nguyễn Thị Trúc Đào	02/09/2002	Tỉnh Lâm Đồng	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
436	2	Phạm Vũ Đạt	11/01/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
437	3	Mai Phước Minh Khang	11/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
438	4	Nguyễn Như Quỳnh	13/04/2002	Tỉnh Bình Định	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
439	5	Đào Sinh Thành	20/06/2002	Tỉnh Đồng Tháp	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
440	6	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/06/2002	Tỉnh Quảng Ngãi	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
441	7	Phạm Hồng Thái	02/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
442	8	Lý Cẩm Thu	26/09/2002	Tỉnh Trà Vinh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 3	
443	9	Phạm Nhật Tiến	05/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	
444	10	Lê Thụy Tú Trân	30/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	MIỄN THI (CHỨNG CHỈ)	VSTEP Bậc 4	

Tổng cộng có 444 thí sinh được miễn thi ngoại ngữ. 

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 8 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
THƯỜNG TRỰC HĐTS



Ngô Minh Vinh